

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày: 13-6-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh Hội

2. Ông Võ Ngọc Bột

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quây – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST- DS ngày 18 tháng 03 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Tr V Đ, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Ấp M Kh, xã T Th, h M H, tỉnh L A.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Tr Th T Ng, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Ấp M Kh, xã T L, huyện M H, tỉnh L A (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện M H, tỉnh L A).

- **Bị đơn:**

+ Ông L V Kh, sinh năm: 1983.

+ Bà Ng Th D, sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp C N, xã T Th, huyện M H, tỉnh L A.

(Bà Ng có mặt, ông Kh và bà D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/7/2023 ông L V Kh có vay ông Đ 02 lần với số tiền là: 585.000.000 (năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng.

Đã đến hạn trả nợ nhưng ông Kh cứ hẹn dần và nói bán đất trả tiền cho ông Đ, nhưng có người mua đất thì ông Kh không bán vì giá thấp, ông Kh nói đất giá 700-800 triệu 01 mẫu mới bán, nay có người mua thì ông Kh không muốn bán để trả nợ cho ông Đ lại nói đề từ từ ông Kh sắp xếp, cứ tiếp tục kéo dài cho đến nay. Ông Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc ông L V Kh và bà Ng Th D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền là: 585.000.000 (năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng và lãi suất theo qui định 0,83% tháng.

Quá trình hòa giải bị đơn trình bày: Ông L V Kh thừa nhận có mượn tiền của ông Tr V Đ và hiện còn nợ số tiền 585.000.000 (năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng như ông Đ khởi kiện. Số tiền này ông Kh một mình mượn của ông Đ bà Ng Th D không biết và ông Kh đồng ý một mình trả hết số tiền nợ lại cho ông Đ và không yêu cầu bà D phải trả cùng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Không đồng ý với việc mình ông Kh trả nợ vì ông Kh và bà D là vợ chồng hợp pháp số tiền ông L V Kh vay trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay là để đầu tư sản xuất làm ruộng, nên ông Tr V Đ yêu cầu ông L V Kh và bà Ng Th D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền là: 585.000.000 (năm trăm tám mươi lăm triệu) đồng và lãi suất theo qui định nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Tr V Đ yêu cầu ông L V Kh và bà Ng Th D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 585.000.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Tr V Đ khởi kiện yêu cầu ông L V Kh và bà Ng Th D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 585.000.000 đồng. Ông Đ đã cung cấp được biên nhận nợ có chữ ký của ông L V Kh để làm căn cứ chứng minh. Ngoài ra ông L V Kh cũng đã thừa nhận có nợ tiền và đồng ý trả tiền nợ cho ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có cơ sở xác định ông L V Kh có vay ông Đ số tiền 585.000.000 đồng và có nghĩa vụ phải trả số tiền trên cho ông Đ.

[2.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn là ông L V Kh và bà Ng Th D đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Xét yêu cầu nghĩa vụ liên đới: Do ông L V Kh và bà Ng Th D khi vay tiền của ông Đ là trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng hợp pháp chưa ly hôn. Do đó nguyên đơn yêu cầu ông L V Kh và bà Ng Th D liên đới trả nợ là phù hợp với các quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

[2.4] Về yêu cầu trả lãi: Ông Tr V Đ yêu cầu tính lãi từ ngày 10/7/2023 đến ngày xét xử là ngày 13/6/2024 theo mức lãi 0,83% tháng theo qui định của pháp luật. Xét thấy yêu cầu tính lãi của ông Đ là tự nguyện không trái với qui định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ là phù hợp. Số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 10/7/2023 đến ngày 13/6/2024 là 11 tháng 03 ngày: $585.000.000đ \times 0,83\% \times 11 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 53.896.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là 638.896.000 đồng (Trong đó gốc 585.000.000 đồng và lãi là 53.896.000 đồng).

[3] Đối với ý kiến về việc trả nợ của bị đơn:

Tại biên bản hòa giải ông Tr V Đ yêu cầu ông L V Kh và bà Ng Th D trả số tiền gốc và lãi 638.896.000 đồng. Ông L V Kh đồng ý trả tiền trên. Nhưng xin trả dần cho ông Tr V Đ và một mình ông Kh đứng ra lãnh trả, nguyên đơn không đồng ý cho trả dần mà yêu cầu trả một lần hoàn tất nợ. Các bên không thống nhất được thời gian trả nợ, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định ông L V Kh và bà Ng Th D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc và lãi còn nợ là 638.896.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí:

Ông L V Kh và bà Ng Th D có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Ông Tr V Đ được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 ;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tr V Đ đối với ông L V Kh và bà Ng Th D.

Buộc ông L V Kh và bà Ng Th D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tr V Đ số tiền nợ gốc và lãi còn lại là: 638.896.000 đồng (sáu trăm ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L V Kh và bà Ng Th D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.555.840 (hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi) đồng.

Ông Tr V Đ không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.700.000 (mười ba triệu bảy trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002794 ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi